

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11-4-2024

V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hùng.

2. Ông Nguyễn Văn Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 374/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 2001 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố K, phường A, thị xã B, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Anh Võ Phú N, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T1, xã P, thị xã B, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Chị và anh Võ Phú N chung sống với nhau vào khoảng tháng 5-2022, có tìm hiểu trước nên hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thị xã B, tỉnh Tây Ninh vào ngày 26-5-2022. Ngày làm lễ cưới gia đình anh N có cho chị nữ trang gồm 01 vòng đeo cổ vàng 24K, 01 lắc tay vàng 24K, 01 đôi bông tai vàng 24K với tổng trọng lượng là 1,4 lượng vàng và

hiện số nữ trang này không còn do vợ chồng chị đã bán để lo chi phí sinh hoạt trong gia đình. Sau khi cưới vợ chồng chị về nhà của cha mẹ chị tại: Khu phố K, phường A, thị xã B sinh sống và làm ăn.

Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 10-2022 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng chị chung sống không hạnh phúc và thường xảy ra cãi nhau về chuyện kinh tế trong gia đình. Anh N và gia đình anh N kêu chị về gia đình anh N sống nhưng chị không đồng ý vì trước khi cưới anh N có hứa là sống bên gia đình chị và đi làm nên từ đó đã làm cho vợ chồng chị mâu thuẫn hơn. Đến giữa tháng 10-2022 anh N tự ý bỏ gia đình chị về nhà cha mẹ chồng chị tại: Ấp T1, xã P, thị xã B sống cho đến nay và vợ chồng chị ly thân nhau từ thời gian này. Kể từ ngày ly thân vợ chồng chị không gặp mặt và không liên lạc nhau để bàn bạc việc đoàn tụ gia đình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng chị đã không còn và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N

Quá trình chung sống vợ chồng chị không có con chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 14-3-2024 bị đơn anh Võ Phú N trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn là do chị T thường xuyên tham gia cờ bạc mà anh đã khuyên nhiều lần nhưng chị T không nghe, làm bao nhiêu tiền chị T đều tiêu xài hết dẫn đến vợ chồng anh gây gổ và anh bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 10-2022 cho đến nay. Từ ngày ly thân cho đến nay vợ chồng anh không có gặp mặt nhau để bàn bạc việc đoàn tụ gia đình.

Nay về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh chung sống không có con chung nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh N.
2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T và anh N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh N chung sống với nhau vào năm 2022 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thị xã B. Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, nay chị T có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T thì thấy: Mâu thuẫn giữa anh chị chủ yếu phát sinh từ việc anh chị hay xảy ra cãi nhau về vấn đề kinh tế trong gia đình và anh Nông cùng gia đình yêu cầu chị T về sống bên gia đình chồng nhưng chị T không đồng ý. Ngược lại, anh N cho rằng chị T thường xuyên cờ bạc và anh N đã khuyên nhiều lần nhưng chị T không thay đổi dẫn đến tháng 10-2022 anh N bỏ về nhà cha mẹ ruột của anh N tại: Ấp T1, xã P, thị xã B sống cho đến nay. Kể từ ngày ly thân cho đến nay anh chị không gặp nhau để bàn bạc việc đoàn tụ gia đình nên nay anh N đồng ý ly hôn theo như yêu cầu của chị T. Tuy nhiên, do anh N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án không thể công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị mà phải đưa vụ án ra xét xử. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ và phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:

Từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích T đối với anh Võ Phú N. Chị T được ly hôn với anh N.

2. Về con chung: Anh chị khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0015089 ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị T đã nộp xong tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã B;
- CC.THADS thị xã B;
- UBND xã P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Tuấn Anh